

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2023.
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Bà Nguyễn Thị Lan.

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2023, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2023 về việc “*Kiện ly hôn; tranh chấp nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày:* Tôi và cô Trần Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cô L không chăm lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô L.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Phạm Trần Gia H, sinh ngày 24/4/2006. Sau khi ly thân thì cháu vẫn đang ở với

tôi. Tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cô L cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị L trình bày:* Tôi và ông Phạm Văn N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Phạm Trần Gia H, sinh ngày 24/4/2006, hiện cháu đang ở với bố. Trường hợp ly hôn tôi đồng ý giao con cho ông N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Trần Thị L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N; Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn N được ly hôn với bà Trần Thị L; Về con chung: Cần giao con chung là cháu Phạm Trần Gia H, sinh ngày 24/4/2006 cho ông Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn N và bà Trần Thị L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn; bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn N và bà Trần Thị L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 03/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của ông N thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, bà L không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau; ông N và bà L đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông N được ly hôn với bà L; Bà L thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay ông N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà L đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, cho ông N được ly hôn với bà L.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông N và bà L có một con chung là cháu Phạm Trần Gia H, sinh ngày 24/4/2006. Xét thấy, ông N có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành; bà L đồng ý giao con chung cho ông N chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần giao con chung là cháu Phạm Trần Gia H, sinh ngày 24/4/2006 cho ông N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

Bà Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Ông Phạm Văn N và bà Trần Thị L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Phạm Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn N được ly hôn với bà Trần Thị L.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Trần Gia H, sinh ngày 24/4/2006 cho ông Phạm Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Ông Phạm Văn N và bà Trần Thị L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003209 ngày 12/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy